

A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ THÍCH LUẬN

QUYỂN 21

Phẩm 8: PHÂN BIỆT TAM-MA-BẠT-ĐỀ

Do dựa nơi tất cả công đức của trí tuệ, nghĩa là đã phân biệt về chủng loại trí tuệ để thuyết minh xong. Về công đức của loại tánh riêng, nay sẽ phân biệt nói.

Thế nên, đầu tiên căn cứ ở định, để tạo thành sự phân biệt thuyết minh, do tất cả công đức đều dựa nơi định kia.

Kệ nói: Bốn định có hai thứ.

Giải thích: Nếu nói một cách giản lược về định, thì có hai thứ: Do sự khác biệt giữa định sinh đặc và định tu đặc. Hơn nữa, định này chỉ có bốn thứ, nghĩa là định thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư. Trong đó, định nơi thọ sinh, không nên nói lại vì đã có trong phẩm “Phân biệt thế gian”.

Kệ nói: Định sinh đặc đã nói.

Giải thích: Thuyết minh như thế nào? Mỗi mỗi định có ba địa và bốn định có tám địa. Vì định tu đặc, tất nên thuyết minh, thành thử nói như thế.

Kệ nói: Tu định một loại thiện.

Giải thích: Nếu không phân biệt, chỉ một loại tâm thiện gọi là định, là tánh của Tam-ma-đề.

Kệ nói: Năm ấm, loại bạn chung.

Giải thích: Nếu phân biệt các định, thì cùng tùy tương ứng của hành, nên biết lấy năm ấm làm tánh.

Pháp nào gọi là một loại? Nghĩa là một cảnh v.v...

Nếu vậy thì chỉ một cảnh của tâm thành định, không phải tâm pháp của loại riêng thành định. Không nói các tâm là định. Vì do các tâm của pháp kia thành một loại, nên nói pháp kia là định. Pháp kia được gọi là một loại.

Vì sát-na, sát-na của tất cả tâm diệt, nên đều là một loại. Nếu

ông nói tâm thứ hai vì từ cảnh này không phân tán, nên là một loại, thì nghĩa này không hợp lý. Vì đại địa của định ở trong pháp tương ứng, nên không có công dụng, do đấy là Tam-ma-đề. Thế nên, các tâm duyên chung một cảnh. Vì lẽ gì ông không thừa nhận nghĩa này?

Nếu nói vì do đại địa của định, nên các tâm đều trở thành một loại thì việc ấy cũng trở thành sai lầm vì nghĩa ấy không hợp lý. Do uy lực của định ấy yếu ớt, nên sư thuộc kinh bộ nói. Vì tâm này đồng một loại, nên gọi là định. Vì sao? Vì Tam-ma-đề, nghĩa là dựa vào tâm học, tâm thanh tịnh là hơn hẳn. Trong kinh gọi là bốn thứ định. Sư khác nói: Định như thế gọi là Trì-ha-na.

Trì-ha-na nghĩa là gì?

Vì do đấy được biết, được thấy (tri và kiến) nên gọi là Trì-ha-na. Vì sao? Vì nếu tâm được định, thì có thể biết, thấy như thật. Tên gọi này lấy tư duy, xét lường làm nghĩa. Tư duy, tức là Bát-nhã. Tất đàn này nêu bày như thế. Nếu vậy, tất cả Tam-ma-đề đều nên gọi là Trì-ha-na vì do một loại có thể khiến thấy biết đúng như thật. Nghĩa này không hợp lý, vì ở trong loại trội hơn, lập ra tên Bát-nhã kia. Ví như tạo ra tên ánh sáng cho: Trong đó tương ứng với loại pháp nào trội hơn? Nếu định tương ứng với phần, thì định ấy tương ứng với loại trội hơn. Vì sao? Vì Xa-ma-tha (chỉ) và Tỳ-bát-xá-na (quán) chung với phần này. Vì sinh khởi song song, nên gọi là an lạc trụ hiện pháp và hạnh an lạc chậm, nhanh. Vì do Bát-nhã ấy rất sáng suốt, tư duy, xét lường rõ ràng, nên tên gọi là kia là loại trội hơn.

Nếu một loại thiện gọi là Trì-ha-na, có ô nhiễm, thì sao lại gọi là Trì-ha-na?

Vì do tư duy tà vậy.

Nếu vậy thì sẽ có lỗi lầm lớn, vì nghĩa ấy không hợp lý. Do trong chỗ tương tự, chỉ lập danh. Ví như hạt giống đã mục nát, nên Phật, Thế Tôn cùng nói pháp ác là Trì-ha-na.

Lại nữa, một loại thiện này, có tướng nào gọi là sơ định? Cho đến một loại này có tướng nào được gọi là định thứ tư?

Kệ nói: Có quán và hỷ lạc.

Giải thích: Một loại thiện tương ứng với giác quán hỷ lạc, nên gọi là sơ định, do nêu về quán giác, tức hỷ, lạc kia nói giác quán, như lửa và khói, vì hành tương ứng. Vì có lia nhau, không lia nhau, nên không có quán, có hỷ lạc cùng với giác lia nhau. Ba định còn lại:

Kệ nói: Chỗ lia của phần lùi về trước.

Giải thích: Một loại thiện gọi là lưu giác, quán đã lia, chỉ có hỷ

lạc, là giác quán của định thứ hai. Hỷ đã lìa, chỉ có lạc, lìa giác quán của định thứ ba. Hỷ, lạc đã lìa, chỉ có xả là định thứ tư.

Như nói: Bốn định.

Kệ nói: Vô sắc, như vậy.

Giải thích: Vô sắc có bao nhiêu thứ, nghĩa đồng với định? Vô sắc kia cũng có hai thứ: Do tu đắc và sinh đắc. Cũng có bốn thứ, vì do tưởng tổn giảm, nên là sinh đắc. Ở trước đã nói, nghĩa là không xứ của cõi Vô sắc. Do sinh có bốn thứ tụ đồng phần và mạng. Dựa vào sự nối tiếp nhau của tâm này tu được định Vô sắc. Nếu không phân biệt, thì chỉ dùng một loại thiện làm tánh. Do nghĩa này, nên định Vô sắc đồng với bốn định.

Kệ nói: Bốn ấm.

Giải thích: Nếu phân biệt các định thì sẽ cùng tùy theo pháp tương ưng của hành, nên biết dùng bốn ấm làm tánh, vì không tùy thuộc sắc của hành.

Kệ nói:

*Lặng yên, lìa
Địa dưới sinh.*

Giải thích: Không biến nhập từ chỗ yên lặng, lìa định thứ tư sinh Thức biến nhập thì từ chỗ yên lặng lìa không biến nhập sinh vô sở hữu biến nhập, từ chỗ yên lặng lìa Thức biến nhập sinh... Phi tưởng, phi phi tưởng biến nhập, từ chỗ yên lặng, lìa Thức biến nhập sinh. Phi tưởng, phi phi tưởng biến nhập, từ chỗ yên lặng, lìa Vô sở hữu biến nhập sinh định Vô sắc. Do đây nên thành bốn.

Pháp nào gọi là yên lặng lìa?

Do đạo này tạo cho địa của người khác giải thoát nên gọi là đạo này là yên lặng lìa. Vì định kia dẫn đến sự lìa dục, nên là định Vô sắc.

Kệ nói: Chế phục danh tướng sắc cùng ba thứ phần gần.

Giải thích: Định phần gần của Không biến nhập, vì duyên với định thứ tư làm cảnh giới, nên chưa được chế phục danh tướng sắc. Vì sao? Vì trong đó chế phục tướng sắc chưa trọn, chưa được diệt lìa, là trước đã nói cõi Vô sắc chỉ có bốn ấm. Lời nói này không thành tựu, nghĩa là ở cõi Vô sắc không có sắc.

Nếu cõi Vô sắc có sắc, thì sao gọi là cõi Vô sắc?

Do sắc vi tế ví như A-tân-già-la chấp chỗ có sắc kia thì tướng ấy thế nào?

Nếu chỉ có thân, miệng giữ sắc, mà thân miệng đã không có làm sao có được sắc? Nếu thân miệng giữ sắc không có bốn đại mà nói là

có sắc do bốn đại tạo ra, thì không có nghĩa như thế.

Nếu như ông nói thì sự giữ gìn là vô lưu tức nghĩa này không hợp lý, vì do có hữu lưu. Ở trong chỗ nói về Tam-ma-bạt-đề kia, cho đến có lời bác bỏ, nghĩa là tưởng về Vô sắc v.v... Nếu cõi Vô sắc kia có thân, nhất định có sắc căn thì sao lại cho cõi Vô sắc có sắc vi tế?

Nếu ông cho do lượng của thân rất vi tế nên nói là không có sắc, thì đối với loài trùng trong nước, là sắc không thể trông thấy, lẽ ra trở thành không có sắc?

Nếu ông cho vì sắc kia rất tịnh, nên nói là Vô sắc, thì ở trung ấm và cõi Sắc lẽ ra cũng nên gọi là Vô sắc?

Nếu ông cho vì do không Có sự hơn hẳn, vì sắc kia tịnh nên nói là Vô sắc, thì chỉ trời Hữu đảnh thành Vô sắc, còn các cõi khác lẽ ra không phải. Vì sao? Vì như Tam-ma-bạt-đề. Tam-ma-bạt-đề sinh ra sự khác biệt cũng vậy. Định kia sinh ra sắc, do không phải là căn của địa dưới đã nhận lấy, nên đối với sắc kia đâu có khác biệt.

Nếu ông nói tên của hai cõi tùy theo nghĩa mà lập, thì tên của cõi thứ ba không phải tùy theo nghĩa lập. Vậy trong ấy lấy đạo lý gì làm chứng?

Do nói thọ mạng vì tương ứng với xúc Noãn, như hai bó lau nương tựa, gìn giữ lẫn nhau. Danh sắc và thức, do nói hỗ tương dựa vào nhau, nên ở trong mười hai duyên sinh, nói dựa vào thức, danh sắc sinh và dựa vào danh sắc, thức sinh. Lại, có chứng riêng lia sắc, cho đến lia hành. Vì do bác bỏ việc đi đến của thức, thế nên ở cõi Vô sắc, có nghĩa sắc thành. Nghĩa này không hợp lý, cần phải tư duy, xét lường lại. Nghĩa này nhất định nên cùng tư duy, xét lường, nghĩa là nói về nghĩa tương ứng của xúc Noãn với thọ mạng.

Lời nói này là dựa vào thọ mạng của cõi Dục mà nói hay là dựa vào tất cả thọ mạng mà nói?

Dựa vào danh sắc và thức nương tựa lẫn nhau mà nói.

Là dựa vào thức của cõi Dục, cõi Sắc mà nói. Là dựa vào tất cả thức mà nói.

Nói danh sắc dựa vào thức sinh mà nói, hay nói thức dựa vào danh sắc sinh mà nói?

Trong ấy, là tất cả thức dùng danh sắc làm chỗ nương tựa, hay tất cả danh sắc dùng thức làm chỗ nương dựa, hay là không đều như vậy?

Trong ấy, nói là lia sắc v.v..., bác bỏ việc đi đến của thức mà nói, hay là lia tất cả sắc, bác bỏ nghĩa thức đi đến, hay là tùy theo thuộc chỗ lia một thứ?

Nếu ông nói rằng vì do Phật không phân biệt, nên không thể tự phân biệt, tư duy, xét lường, thì nghĩa này không hợp lý. Vì sẽ có lỗi lầm lớn, nên xúc Noãn bên ngoài ấy không thể trở thành cùng lìa với thọ mạng.

Lại nữa, sắc ngoài nên nương tựa vào danh do không phân biệt để nói, nên Phật nói bốn thức trụ và bốn cách ăn. Ở cõi Sắc, Vô sắc lẽ ra có đoạn thực và sắc thức trụ.

Nếu ông nói, nói vượt quá chỗ dùng đoạn thực nơi chư Thiên hay cùng nói chư Thiên hỷ thực? Do lời nói này, nên không có lỗi lầm lớn, thì ở cõi Vô sắc cũng nên như vậy, không nên lập có sắc, vì Phật nói không có sắc là tất cả sắc xuất ly. Như kinh nói: “Sự tĩnh lặng, giải thoát ấy vượt qua tất cả sắc, là không có sắc”.

Lại có thuyết nói: Có chúng sinh không có sắc.

Lại có thuyết nói: Do vượt qua tất cả tướng về sắc cùng tướng có ngăn ngại, nên biết là trong cõi Vô sắc không có sắc. Vì sao? Vì nếu ở cõi Vô sắc kia thật sự có sắc, thì cõi ấy nhất định nên sinh tướng phân biệt về sắc thân.

Nếu ông cho vì quán sắc thô địa ở dưới, nên nói là không có sắc, thì nghĩa này không hợp lý. Vì sao? Vì ở trong đoạn thực, nghĩa là đồng vị.

Vì bốn định xuất ly địa dưới, thành thử ở đó nên lập Vô sắc.

Sao không nói Vô sắc kia là xuất ly thọ v.v...?

Do thọ v.v... của địa dưới là xuất ly nên ở cõi Vô sắc kia đã vượt qua tất cả chủng loại sắc, không vượt qua tất cả chủng loại thọ v.v... Thế nên, nói cõi Vô sắc kia chỉ là sắc xuất ly, không phải thọ v.v...

Do hữu không nói xuất ly hữu. Nghĩa là do hữu không thể xuất ly hữu, nên không thể xuất ly tất cả hữu, và vĩnh viễn xuất ly hữu.

Lại nữa, Phật, Thế Tôn ở trong định sắc gọi là ở trong định sắc. Nếu có loại của sắc, cho đến loại của thức, thì ở trong định Vô sắc gọi là ở trong định Vô sắc. Nếu có loại của thọ, cho đến loại của thức, thì ở nơi cõi Vô sắc, như có loại của sắc, thì sao không nói? Nếu có loại của sắc, thì sao lại nói? Thế nên:

Kệ nói: Định Vô sắc, không có sắc.

Giải thích: Do hai chứng cứ này, nên biết ở cõi Vô sắc, nhất định không có sắc. Nói có sắc, đây là lời nói sai lạc, vì mâu thuẫn với lý.

Nếu vậy, ở trong cõi Sắc kia, vô lượng kiếp nối tiếp nhau và đã đoạn tuyệt. Về sau, khi thoái chuyển từ cõi Vô sắc, thì sắc làm sao sinh trở lại?

Kệ nói: Sắc sinh lại từ tâm.

Giải thích: Sắc từ tâm sinh trở lại. Khi xưa, vì nhân của báo sắc đã huân tập, nên tâm này có công năng sinh ra sắc hiện nay. Nếu không nương dựa ở sắc thì tâm này làm sao được sinh khởi?

Thế nào là không được sinh khởi?

Trong đây, không phải là chỗ từng thấy.

Nếu vậy thì sao đoạn thực ở trong cõi Sắc không thể được sinh khởi. Vì sao? Vì trong ấy không phải là chỗ từng thấy.

Trước kia đã nói sự nương tựa này có khả năng khiến cho tâm kia nối tiếp nhau sinh khởi.

Đã nói nghĩa ấy xong. Lại nữa, nghĩa này, nay sẽ thuyết minh.

Vì không vô biên nhập v.v..., nhất định là dùng không v.v... làm cảnh giới, nên nói không vô biên do đây mà được gọi tên. Vì không như vậy là không phải.

Ở đây vì sao nêu ba thứ trước?

Kệ nói:

Không vô biên Thức Vô biên

Và Vô sở hữu.

Do gia hạnh lập danh.

Giải thích: Không vô biên, thức vô biên và vô sở hữu. Người kia tạo ra tư duy như thế để có thể tu hành quán. Nhân nơi gia hạnh này, do đó, người kia như thứ lớp được ba tên gọi là này.

Kệ nói: Vì tối tăm nên là phi phi tướng.

Giải thích: Vì do tướng yếu kém, tối tăm, nên gọi là phi tướng, phi phi tướng. Vì sao? Vì tướng kia không sáng rõ, không phải là hoàn toàn vô tướng. Nếu tướng kia ở trong đó, tu hành quán như thế thì tướng tức là bệnh, tướng tức là mụn nhọt, tướng tức là vật nhọn và vô tướng tức là lìa tối tăm, là tĩnh lặng, là tươi đẹp. Nghĩa là phi tướng, phi phi tướng nhập. Tuy nhiên, không do gia hạnh này lập danh.

Thế nào là người kia cho hành quán như thế, quyết định thích ứng?

Giải thích: Vì do vi tế. Nghĩa này trước đã thuyết minh.

Kệ nói: Định căn bản như thế là tám thứ.

Giải thích: Định căn bản nếu căn cứ ở pháp thật, thì chỉ có tám thứ. Nghĩa là bốn định ở cõi Sắc và bốn định Vô sắc. Trong đây, kệ nói: Có ba thứ, bảy thứ.

Giải thích: Trừ cõi Hữu đánh, còn lại là bảy định, mỗi định đều có ba thứ.

Những gì là ba?

Kệ nói:

Có vị ăn luôn thanh tịnh, vô lưu.

Giải thích: Bảy định này có tương ứng với vị ăn, có thanh tịnh, có vô lưu.

Kệ nói: Thứ tám có hai thứ.

Giải thích: Thứ tám là Hữu đẳng. Định này có hai thứ: Có tương ứng với vị ăn, có thanh tịnh, không có vô lưu.

Lại nữa, trong đây, kệ nói: Định tương ứng với vị ăn, có ái.

Giải thích: Vị ăn, nghĩa là vị tham ái, là công năng hiện có của định. Duyên nơi định này, khởi tâm ái dục. Ái dục là chủ thể ăn, nên nói định bị nhiễm ô do tham ái tức tên gọi là tương ứng với vị ăn.

Kệ nói: Thế gian tịnh, thanh tịnh.

Giải thích: Pháp định của thế gian, nếu lấy thiện làm tánh, gọi là thanh tịnh, tương ứng với pháp bạch tịnh như vô tham v.v...

Lại nữa, trong đây, định nào là vị ăn tương ứng với đối tượng được ăn?

Kệ nói: Là thọ nhận sự ăn.

Giải thích: Là có thể ăn, tức là pháp Tam-ma-bạt-đề thanh tịnh. Pháp này là đối tượng được ăn kia, tất từ một sát-na v.v... đã diệt. Nếu là đối tượng được ăn, thì đã phát ra. Người kia là chủ thể ăn, tức là đối tượng được tu quán.

Kệ nói: Định xuất thế vô lưu.

Giải thích: Pháp Tam-ma-bạt-đề xuất thế đó gọi là vô lưu. Trong pháp Tam-ma-bạt-đề này, chỉ là phần có của bốn Trì-ha-na, phần không có của bốn định Vô sắc.

Trong đây, kệ nói: Đầu tiên có năm phần.

Giải thích: Trong Trì-ha-na đầu tiên có năm phần.

Kệ nói: Giác, quán, hỷ, lạc, trụ.

Giải thích: Giác, quán, hỷ, lạc, trụ là một loại thiện. Năm thứ này, ở định, có công năng dẫn đến việc trị an. Vì dựa vào thể, nên nói là năm phần. Trong năm phần ấy, phần thứ năm kia nói cũng là định, cũng là phần. Phần còn lại, chỉ là phần không phải là định. Nếu nói về thật thì như bốn phần quân. Năm phần Trì-ha-na cũng vậy.

Kệ nói:

Sáng tỏ v.v... và nội tịnh

Ở thứ hai, bốn phần.

Giải thích: Trì-ha-na thứ hai có bốn phần:

1. Lắng tịnh bên trong.
2. Sáng tỏ.
3. An lạc.
4. Một loại thiện.

Bốn phần này nên biết, như trước đã nói.

Kệ nói:

*Thứ ba, có năm phần:
Xả, niệm, tuệ, lạc, trụ.*

Giải thích: Trì-ha-na thứ ba có năm phần:

1. Xả.
2. Niệm.
3. Tuệ.
4. Lạc.
5. Trụ.

Trụ tức là một loại thiện. Vì sao? Vì trụ là tên gọi là khác của Tam-ma-đề. Như kinh nói: Những gì là Tam-ma-đề? Là tâm trụ ở cảnh chánh, ở quả vị chánh. Vì do kinh này, nên biết trụ là tên khác của Tam-ma-đề.

Kệ nói:

*Sau rốt có bốn phần
Thọ, xả, niệm, trụ.*

Giải thích: Trì-ha-na thứ tư là sau cùng, trong đó có bốn phần. Nghĩa là phi khổ, phi lạc thọ, xả, niệm thanh tịnh, một loại thiện thanh tịnh.

Nếu căn cứ vào văn như đây, thì phần định có mười tám thứ: sơ định. Ba định mỗi định đều có năm phần. Hai định, bốn định, mỗi định có bốn phần. Số như thế do tên gọi lập, hoặc do vật thật.

Kệ nói: Vật thật có mười một.

Giải thích: Phần sơ định có năm thứ. Ở phần thứ hai, bên trong lắng sạch tăng, ở phần thứ ba, xả, niệm, lạc, tuệ tăng. Ở phần thứ tư, phi khổ, phi lạc khổ tăng. Vì do nghĩa ấy, nên có mười một thứ. Nếu phần tồn tại ở sơ định, thì ở định thứ hai có phải là phần không?

Có bốn luận chứng.:

1. Luận chứng thứ nhất, là giác quán.
2. Luận chứng thứ hai, là lắng sạch bên trong.
3. Luận chứng thứ ba, là một loại hỷ, lạc, thiện.
4. Luận chứng thứ tư, trừ ba luận chứng trước đã nói.

Tất cả phần định như đây, đều nên dùng bốn luận chứng và hỗ

tương gồm thâu.

Vì sao trong định thứ ba nói lạc là vật cảnh riêng?

Do lạc này ở định thứ ba, trở thành thọ lạc.

Trong hai định trước, kệ nói: Khinh an, lạc, hai trước.

Giải thích: Ở định thứ nhất, thứ hai khinh an gọi là lạc. Ở hai định trước là khinh an, lạc, còn ở định thứ ba là thọ lạc.

Nghĩa này làm sao thành.

Hai định trước là Trì-ha-na, không tương ứng với lạc căn. Vì sao? Vì lạc đã nói ở hai định trước, không nên thành lập thân lạc. Do người nhập quán, năm thức không có, nên không thể lập làm tâm lạc, nên đã gọi là hỷ. Hỷ nghĩa là tâm rất phấn khởi. Hai thứ hỷ, lạc, một lúc đều cùng sinh, không có nghĩa như đây. Hỷ, lạc hoặc hỗ tương sinh khởi ở trong định, điều này không thể chấp nhận, do nói định có năm phần.

Có sư khác nói: Ở trong ba định trước, lục căn của địa tâm đều không có, chỉ an lập lục căn của thân, dùng làm phần của định kia.

Nếu vậy, trong kinh vì sao nói, như kinh này nói: Cái gì là lạc căn? Duyên có thể khởi xúc lạc nên thân tâm tiếp nhận lạc. Chỗ ái hơn loại thọ nhận, đây gọi là lạc căn.

Văn này không biết người nào đã thêm vào? Vì sao? Vì ở trong Nhất thiết bộ, chỉ có văn nói thân lạc. Như văn nói: Người tu quán, do thân chính thức tiếp nhận lạc. Nghĩa này do từ nơi tên gọi mà nói.

Nếu ông cho do tâm, thân thọ nhận, hoặc tạo ra thuyết này, sẽ được công đức gì? Ở định thứ tư, khinh an rất tốt bậc, nên không nói là lạc.

Hoặc ông nói: Khinh an này vì tùy thuận nơi lạc thọ, nên cũng được gọi là lạc. Nghĩa này không hợp lý, do trong định thứ ba. Vì sao không gọi khinh an là lạc?

Như ông nói: Do xả bỏ đối tượng bị tổn hại, thì nghĩa này không hợp lý, vì xả kia nên tăng tiến, vì phẩm loại vượt hơn hai phần trước. Lại nữa, do kinh nói: Khinh an với lạc, có khác biệt. Như kinh nói: Vào thời điểm này, đệ tử Thánh từ khinh an sinh hỷ. Do thân chứng xong thì sinh khởi, tức hỷ đã dừng lại trong đó.

Ở trong kinh này, do nói riêng về khinh an và lạc, thế nên biết khinh an không phải lạc.

Nếu ông nói: Người chính thức nhập quán thì thân thức làm sao sinh?

Điều này không mâu thuẫn. Vì sao? Vì có gió từ Tam-ma-đề sinh, gọi là khinh an phù hợp với lạc thọ, vì dựa vào nội tại khởi thân đầy

khấp.

Nếu ông nói: Do tán loạn bên ngoài, tức là định thoái chuyển. Nghĩa này không hợp lý, vì từ định sinh, dựa vào thân bên trong khởi. Do vì lạc của thân này cùng theo với định, nên không có nghĩa thoái chuyển.

Nếu ông nói: Lúc thân thức khởi, người thực hiện quán, liền xuất định. Nghĩa này không hợp lý, vì lời nói trước đã thành.

Nếu ông nói: Thân căn được sinh do cõi Dục, xúc tương ứng với cõi Sắc, thức không thể được sinh. Nghĩa này không hợp lý, vì từ khinh an, thức sinh.

Nếu như vậy, thì xúc, đối tượng nhận lãnh của thân căn và thân thức, nên thành vô lưu? Chớ cho có một phần hữu lưu, một phần vô lưu. Do nói thân khinh an là phần giác nên về nghĩa này thì hợp lý.

Nếu ông nói: Do tùy thuận phần giác, nên nói là phần giác, thì nghĩa vô lưu cũng nên như thế.

Nếu ông nói, kiến giải mâu thuẫn với kinh thì như kinh nói: Những gì gọi là pháp hữu lưu?

Tất cả nhãn căn cho đến xúc trần, thế nên mâu thuẫn nhau. Nghĩa này không hợp lý, do dựa vào xúc riêng, thân thức, ý thức riêng mà nói.

Nếu ông nói: Đối với pháp vô lưu, không có một phần hữu lưu, một phần vô lưu, thì nghĩa này không hợp lý. Vì không cùng lúc khởi, nên ở đó lại có lỗi gì?

Nếu ông nói: Vì lạc và hỷ đều không cùng khởi, nên sơ định lẽ ra không có năm phần. Nghĩa này không hợp lý. Vì dựa vào nghĩa nên có mà nói. Thí dụ như nói giác quán.

Nếu ông nói: Nghĩa này chưa thành, do thí dụ không thành tựu. Nghĩa này không hợp lý, vì do hai tâm thô, tế, mâu thuẫn cùng một lúc. Do ông không nói lỗi lầm trong nghĩa này, thế nên, do giảm hai, ba và bốn phần trong năm phần của sơ định, nhằm an lập định thứ hai v.v... Vì nghĩa này, nên ở sơ định nói có năm phần. Vì muốn giảm định trước, an lập định sau do đó không giảm tướng v.v... Vì nếu không thế, thì sao chỉ là năm phần?

Nếu ông nói: Do có ích, nên lập phần riêng thì nghĩa này không hợp lý. Vì hai pháp giác, quán rất có ích ở trong niệm và tuệ.

Sư nơi các bộ tạo cuộc tranh luận như thế này: Các sư trước đây không thuyết minh như vậy, có thể biết pháp hiện có được lập làm phần định. Thế nên, lối nhận định của người kia cần phải tư duy xét lường.

Pháp nào gọi là sự lắng sạch nội tại, vì giác quán tán, động, diệt lia?

Lưu thanh tịnh nối tiếp nhau, được gọi là sự lắng sạch bên trong. Vì sao? Vì như sông có sóng. Do giác quán phân, tán, lay động nên giác quán này nối tiếp nhau sinh khởi, không được thanh tịnh.

Nếu vậy, giác quán này không phải là vật riêng, làm sao cho phần định của vật thật này có mười một thứ?

Thế nên, kệ nói: Tín căn nội tịnh.

Giải thích: Có vật riêng, nghĩa là tín căn. Người này do được địa của định thứ hai, nên sinh khởi niềm tin quyết định ở trong địa tĩnh lặng xuất ly. Tín căn nói ở đây là sự lắng sạch nội tại.

Có sư khác nói: Tam-ma-đề của giác quán là sự lắng sạch nội tại, đều không phải là vật riêng. Nếu Tam-ma-đề kia không phải là vật riêng thật, làm sao thành sự khác biệt của phần vị tâm, tâm pháp?

Có lúc nói là tâm pháp, vì do tâm tạo nên. Tất cả của A-tỳ-đạt-ma không nói như thế, là chỗ ông đã nói. Hỷ: là vừa lòng.

Nghĩa này làm sao có thể biết?

Nếu không như vậy, thì dục lấy pháp nào làm chỗ riêng? Như bộ pháp riêng đã thừa nhận.

Bộ riêng thừa nhận như thế nào?

Bộ riêng kia cho tâm pháp riêng, gọi là tâm hỷ, vừa ý, là lạc trong ba định.

Nếu không phải là lạc trong ba định, thì phải thành tâm ưa thích.

Kệ nói: Hỷ, tâm ưa thích.

Giải thích: Phật, Thế Tôn, ở trong kinh Tỳ-Ba-Lợi-Đa nói: Định thứ ba cong vạy, trong đó, trước hết, sinh tâm ưa thích và căn diệt tận hoàn toàn. Lạc căn ở trong định thứ tư diệt tận rốt ráo. Ở trong kinh khác nói: Lạc căn, khổ căn diệt, nên ở ưu căn trước, căn của tâm ưa thích diệt (nói rộng như kinh).

Do hai chứng cứ này, nên ở trong định thứ ba, nhất định không có căn của tâm ưa thích. Thế nên, hỷ căn tức là căn của tâm ưa thích, chứ không phải là lạc. Như phần đã nói trong định thanh tịnh.

Ở định nhiễm ô: Là có hay không có? Phần nào không có ở định nhiễm ô kia?

Kệ nói:

Nhiễm ô, không hỷ, lạc

Niệm, tuệ lắng sạch trong

Và xả niệm thanh tịnh.

Giải thích: Nếu định có nhiễm ô, thì sơ định sẽ không có yên lặng, ly sinh hỷ lạc, vì không thể yên lặng, lìa hoặc. Định thứ hai không có lắng sạch nội tại, do hoặc đã nhiễm, dục. Định thứ ba không có niệm, tuệ vì chỗ tán loạn của lạc bị nhiễm ô. Định thứ tư không có xả niệm thanh tịnh vì do tương ứng với hoặc.

Có sư khác nói: Chỉ như đây.

Kệ nói: Thuyết khác không có khinh xả.

Giải thích: Có sư khác nói: Sơ định, nhị định, nếu có nhiễm ô, tức không có khinh an. Định thứ ba, thứ tư nếu có nhiễm ô thì sẽ không có xả.

Do hai pháp này là thiện nơi đại địa, nên Phật, Thế Tôn nói: Ba định có biến, do có lỗi lầm.

Kệ nói:

*Vì lìa tám lỗi lầm
Nên thứ tư bất động.*

Giải thích: Tám lỗi lầm là những gì?

Kệ nói:

*Giác quán, hai hơi thở
Lạc khác cùng bốn thứ.*

Giải thích: Giác, quán, vui, khổ, mừng, lo, hơi thở ra, hơi thở vào, tám thứ ấy là lỗi lầm của các định. Trong tám lỗi lầm này tùy theo một số lỗi lầm nên trong định thứ tư không có. Thế nên, chỉ nói định thứ tư là không lay động. Giác, quán, hỷ, lạc v.v... là chỗ không thể biến động, nên trong kinh nói: Định thứ tư là bất động. Ví như bên trong ngôi nhà kín, không có gió, đèn sáng.

Sư khác thuyết minh như đây: Ở hai định trước, nói có tâm ưa thích tiếp nhận. Do tương ứng với hỷ nên thứ ba là lạc, thứ tư là xả.

Như thọ trong tu định, quán. Thọ ở trong định sinh đặc là như đây chăng?

Không phải.

Thế là thế nào?

Kệ nói:

*Hỷ thọ, lạc xả thọ
Xả thọ và hỷ lạc
Lạc, xả và xả thọ
Các thọ, định sinh đặc.*

Giải thích: Ở trong định sinh đặc đầu tiên có ba thọ:

1. Lạc thọ, đều cùng khởi với ba thức.

2. Hỷ thọ, lấy ý thức làm địa.

3. Xả thọ tương ứng với bốn thức khởi.

Ở trong định sinh đặc thứ hai có hai thọ, là hỷ và xả. Hai thứ này lấy ý thức làm địa, không có lạc, thức không có.

Ở trong định sinh đặc thứ ba có hai thọ, là lạc và xả. Hai thứ này lấy ý thức làm địa.

Ở trong định sinh đặc thứ tư, chỉ có xả thọ.

Do nghĩa như đây, thọ của định sinh đặc không đồng với thọ của định tu đặc.

Ở định thứ hai v.v..., nếu không có ba thức và giác, thì chúng sinh kia làm sao được thấy, nghe, cảm xúc? Chúng sinh kia làm sao có thể khởi nghiệp về thân, khẩu có giáo? Ở đây không nói về nhãn thức v.v... của chúng sinh thọ sinh ở địa nơi định kia là không có. Mặc dù có, nhưng không thuộc về địa của hai định v.v...

Sự kiện này thế nào?

Kệ nói:

*Ba thức nhãn, nhĩ, thân
Nghiệp thân miệng duyên khởi
Hai cùng sơ định được.*

Giải thích: Ba thức như nhãn v.v... và khả năng khởi nghiệp thức có giáo. Ở định thứ hai dù không có, nhưng ba thức kia có thể khiến hiện tiền. Ví như tâm biến hóa, tâm kia do thức này có khả năng thấy, nghe, chạm, xúc và có thể khởi nghiệp của giáo.

Kệ nói: Thức này không nhiễm, vô ký.

Giải thích: Bốn thức này không có nhiễm ô, cũng vô ký. Chúng sinh ở địa thứ hai v.v... đã dẫn phát bốn thức, khiến hiện tiền. Bốn thức này, nên biết đã dùng sơ định làm địa, chẳng phải có nhiễm ô. Vì do bốn thức đã lia dục ở địa dưới, nên không phải là phẩm thiện thấp kém.

Đã thuyết minh về sự của định xong. Lại nữa, bốn định cõi Sắc thanh tịnh cùng với bốn chỗ đạt đến tột bậc ra sao?

Kệ nói:

*Không được đặc thanh tịnh
Do lia dục và sinh.*

Giải thích: Nếu người nào không đạt đến tột bậc nơi định của cõi Vô sắc kia, thì người đó có khả năng được bốn định cõi Sắc thanh tịnh và bốn định cõi Vô sắc. Điều này, hoặc do địa dưới đã lia dục, hoặc do thọ sinh ở địa dưới, trừ cõi trời Hữu đẳng. Vì sao? Vì cõi Hữu đẳng thanh tịnh, không do thọ sinh đạt được.

Không đạt được, lời nói này là thế nào?

Nếu người chưa từng được và xả chỗ đạt đến tột bậc, thì do gia hạnh nên có thể được thanh tịnh, hoặc được phần quyết trạch thanh tịnh. Do thoái chuyển, nên được định của phần thoái chuyển. Thế nên, trong Tỳ-bà-sa đã thuyết minh lời này.

Là có như đây chăng?

Hoặc do lìa dục, dẫn đến đạt định thanh tịnh, hoặc do lìa dục, lìa bỏ định thanh tịnh. Do thoái chuyển, rơi rớt và thọ sinh cũng vậy. Thuyết nói có, căn cứ nơi sơ định của phần thoái chuyển, nhằm biện luận về sáu nghĩa này. Vì sao? Do ly dục nên đạt sáu nghĩa này. Do lìa dục nơi xứ Đại phạm nên rời bỏ xứ này. Do thoái chuyển nơi xứ Đại Phạm lìa dục nên đạt xứ này. Do thoái chuyển nơi cõi Dục lìa dục, nên rời bỏ cõi này. Do bỏ xứ Đại Phạm trên, thọ sinh nên được cõi ấy. Do từ chỗ thoái chuyển xứ này, thọ sinh nơi cõi Dục, nên rời bỏ cõi ấy.

Kệ nói: Vô lưu do lìa dục.

Giải thích: Không được mà được, đây là nói về lưu. Nếu người đã từng được, do tận kiến lại được vô lưu là bậc Vô học.

Nếu do tu đạo rèn luyện căn, hoặc được Hữu học, hoặc chứng đắc bậc Vô học, là chẳng như đây chăng?

Do nhập tụ chánh định, trước hết là vô lưu. Theo thứ lớp, người tu quán chẳng cần định, do chưa từng được, mà đạt được định vô lưu này. Như nhất định nên được, là chỗ hiện đang nói.

Kệ nói: Sinh đắc thoái chuyển nhiễm ô.

Giải thích: Không được mà được, đây gọi là lưu, do thoái chuyển đạt được. Nghĩa là nếu người thoái chuyển nơi sự lìa dục này, lại trở lại đạt được là do thọ sinh đắc: Từ địa trên, lại sinh nơi địa dưới.

Lại nữa, từ sau pháp định nào, có bao nhiêu thứ định theo thứ lớp được sinh?

Từ sau sơ định vô lưu, có sáu định được sinh không gián đoạn. Định thanh tịnh của địa mình và định vô lưu là hai thứ. Ở định thứ hai, thứ ba, cũng đều có hai thứ. Từ sau vô sở hữu nhập, theo thứ lớp sinh có bảy thứ. Ở vô lưu thanh tịnh của tự địa có hai thứ. Thức vô biên nhập, không vô biên nhập cũng đều có hai thứ. Ở cõi Hữu đẳng chỉ có vô lưu thanh tịnh. Từ sau định thứ hai, theo thứ lớp sinh có tám thứ. Ở vô lưu thanh tịnh của địa mình có hai thứ. Ở định thứ ba, thứ tư và sơ định, cũng đều có hai thứ. Từ sau Thức vô biên nhập, theo thứ lớp sinh, có chín thứ và tự địa có hai thứ. Không vô biên nhập và định thứ tư có bốn thứ. Vô sở hữu nhập và cõi trời Hữu đẳng có ba thứ. Do hướng như thế nên định

của sắc, Vô sắc còn lại, theo thứ lớp có mười thứ. Pháp của mười định, nên biết như đây.

Trong đây là lược thô tóm.

Kệ nói:

*Từ trên dưới thứ ba
Sau vô lưu sinh thiện.*

Giải thích: Do nói sự thanh tịnh của tánh thiện và vô lưu nên đều do vô lưu kia thô tóm và vì đồng là tánh thiện. Sáu pháp của định vô lưu, theo thứ lớp hoặc dựa vào hai thứ pháp của định nơi tự địa sinh. Nghĩa là vô lưu thanh tịnh, hoặc địa trên, địa dưới, cho đến định thứ ba cũng vậy.

Vì lẽ gì người tu quán siêu vượt qua xứ thứ ba, mong siêu vượt không được thành, làm sao như đây nói?

Vì do vượt quá xa, nên từ loại trí theo thứ lớp có thể tu quán nơi định Vô sắc. Từ pháp trí theo thứ lớp thì không được như vậy, vì nương tựa nơi địa dưới làm cảnh giới. Như nói: Từ vô lưu thứ lớp sinh các định, các pháp khác, nên biết cũng vậy.

Kệ nói:

*Từ tịnh sinh cũng vậy
Luôn ô nhiễm địa mình.*

Giải thích: Trong đây, sinh định nhiễm ô của tự địa tăng trưởng so với trước kia. Sự nhiễm ô này, từ sau định thanh tịnh, theo thứ lớp được sinh. Các nghĩa khác như vô lưu.

Vì lẽ gì sau định vô lưu, sự nhiễm ô không thể sinh?

Kệ nói: Từ nhiễm ô, tự địa tịnh, nhiễm.

Giải thích: Từ sau định nhiễm ô, theo thứ lớp thì đối với chỗ thanh tịnh của địa mình và định nhiễm ô được sinh.

Kệ nói: Một địa dưới tịnh.

Giải thích: Như người bị bức bách, nếu địa dưới thanh tịnh, ở đó cũng sinh tôn trọng. Nếu người đã phân biệt rõ định này, nghĩa là hành nhiễm ô của định ấy đối với định của địa dưới, thì từ hành vi thiện nơi việc thiện chứ không từ nhiễm ô.

Nếu không phân biệt làm sao có thể thực hiện định thanh tịnh ở địa dưới?

Do sức của tâm đã dẫn phát trước kia. Vì sao? Vì người này, từ trước đã có dục lạc như thế. Nghĩa là thà được thanh tịnh ở địa dưới, chứ không dùng sự nhiễm ô của địa trên. Tức trước đây, ý muốn chúng sinh được nối tiếp hay cũng có thể theo đuổi. Ví như người trước phát

nguyên rồi mới đi ngủ, thì đúng vào thời điểm đã kỳ hạn liền thức dậy. Nếu vô lưu từ sau nhiễm ô, thì tất cả thứ loại theo thứ lớp không được sinh. Lời này là căn cứ vào thời điểm tu quán mà nói. Nghĩa là từ định thanh tịnh và định nhiễm ô, sau đấy theo thứ lớp, từ định nhiễm ô của địa mình sinh, không phải ở địa khác.

Kệ nói: Khi thoái chuyển từ tịnh, nhiễm cho tất cả.

Giải thích: Khi chết từ định thanh tịnh của sinh đắc, sau đấy theo thứ lớp, định nhiễm ô của tất cả địa sinh.

Kệ nói: Nhiễm không phải địa trên.

Giải thích: Từ sự nhiễm ô nơi bốn định ở cõi Sắc, bốn định ở cõi Vô sắc, sau khi chết, theo thứ lớp, định nhiễm ô của địa mình, địa dưới sinh chứ không phải là địa trên.

Lại nữa, không phải từ sau tất cả định thanh tịnh, định vô lưu sinh.

Nếu vậy, nghĩa này như thế nào?

Kệ nói:

*Định thanh có bốn thứ
Phần thoái chuyển v.v...*

Giải thích: Phần thoái chuyển, phần an trụ, phần tăng tiến, phần quyết trạch. Định thanh tịnh có bốn thứ này. Trời Hữu đảnh có ba thứ, trừ phần quyết trạch.

Kệ nói:

*Theo thứ lớp
Hoặc sinh từ địa trên
Vô lưu tùy thuận được.*

Giải thích: Nếu công năng của định này, tùy thuận theo phiền não sinh gọi là phần thoái chuyển.

Nếu công năng của định này tùy thuận nơi tự địa, gọi là phần an trụ. Nếu công năng của định này tùy thuận nơi địa trên, gọi là phần tăng tiến. Nếu công năng của định này tùy thuận nơi vô lưu, gọi là phần quyết trạch. Thế nên, nói định này được mang tên là vô lưu.

Trong bốn thứ định ấy, có bao nhiêu định từ sau, bao nhiêu định theo thứ lớp được sinh?

Kệ nói:

*Hai, ba, ba và một
Theo thứ lớp thoái chuyển.*

Giải thích: Định của phần thoái chuyển, sau đấy, theo thứ lớp hai định được sinh, tức phần thoái chuyển và phần an trụ. Định của phần an

trụ, sau đó theo thứ lớp ba định được sinh, trừ phần quyết trạch. Định của phần tăng tiến, sau đấy, theo thứ lớp ba định được sinh, trừ phần thoái chuyển và các phần khác theo thứ lớp được sinh. Sau định của phần quyết trạch, theo thứ lớp một định được sinh, tức định của phần quyết trạch. Tu vượt định, quán, làm sao có thể thành?

Kệ nói:

*Đi, đến nơi hai loại
Tám địa vượt một
Tu vượt các định, quán
Hạnh chẳng cùng chia ba.*

Giải thích: Đi: Nghĩa là tu quán theo thứ lớp. Đến: tu quán theo hướng ngược. Nơi hai loại: Là hữu lưu, vô lưu. Tám địa: Là bốn định ở cõi Sắc, và bốn định ở cõi Vô sắc. Mật (ngầm): thứ lớp dưới, trên. Vượt một: Vượt qua mỗi một địa. Trước hết, ở tám địa hữu lưu, tu quán hoặc thuận, hoặc nghịch. Tu quán thành thực tiếp theo. Ở bảy địa vô lưu, việc tu quán cũng vậy. Tu quán thành thực, thời gian sau là thành tựu. Vì tu tập tự tại: Từ sơ định hữu lưu, vượt nhập nơi định thứ ba hữu lưu. Từ định thứ ba hữu lưu, vượt nhập nơi không vô biên nhập. Từ không vô biên nhập, vượt nhập nơi vô sở hữu nhập. Tiếp theo, lại vượt nhập nghịch như thế. Nếu sự tu tập này đã thành tựu, về sau, đối với định vô lưu, tu thuận, nghịch, siêu vượt gia hạnh của định. Vào thời điểm này, nếu từ sơ định hữu lưu, thì có thể nhập định thứ ba vô lưu. Từ định thứ ba vô lưu, có thể nhập không vô biên nhập hữu lưu, từ không vô biên nhập hữu lưu, có khả năng nhập sở hữu nhập vô lưu. Theo thứ lớp tu siêu vượt nghịch cũng như vậy. Vào thời điểm này, không phải bằng nhau nơi đi, đến trong định thứ ba nên tu siêu vượt định được thành. Vì do rất xa, nên định thứ tư không thể siêu vượt. Tu này ở trong ba châu là A-la-hán phi thời giải thoát. Vì đối tượng tu có thể là hoặc đã được diệt tận, nên nơi định có tự tại, dẫn đến tiếp cận với Thánh nhân. Căn người tu hành kia dù nhay bén, đối với định có tự tại nhưng do hoặc kia chưa diệt hết, nên không thể tu A-la-hán thời giải thoát. Mặc dù hoặc đã hết, nhưng về định không được tự tại, cũng không thể tu.

Do chỗ nương tựa nào, có bao nhiêu định sắc, có thể khiến hiện tiền?

Kệ nói:

*Tu địa dưới
Nương nơi Sắc, Vô sắc.*

Giải thích: Định Hữu danh, ở cõi Hữu danh, có thể tu, khiến cho

hiện tiền. Ở địa dưới, cho đến cõi Dục, đều có khả năng tu, làm cho hiện tiền. Như nhận xét về cõi Hữu đảnh, các định còn lại đối với địa mình và địa dưới, đều được tu, khiến cho hiện tiền.

Như thế là sao?

Nếu người sinh ở địa trên, thì không thể khiến cho các định của địa dưới được hiện tiền. Vì sao? Vì đối với người này, kệ nói: Không phải địa dưới.

Giải thích: Người sinh nơi địa trên, thì định của địa dưới không có tác dụng mảy may nào đối với họ. Do thấp kém nên bị xem thường.

Đã thuyết minh về nghĩa chung xong. Trong đây, lại nói đến nghĩa riêng.

Kệ nói:

Thánh hiện vô sở hữu nhập

Lưu nơi Hữu đảnh tận.

Giải thích: Nếu Thánh nhân đã sinh nơi Hữu đảnh, sẽ do tu vô sở hữu nhập của vô lưu đã hiện tiền, dẫn đến lưu tận diệt.

Vì sao đã sinh nơi Hữu đảnh lại có khả năng tu vô sở hữu, vô lưu hiện tiền?

Vì ở địa mình không có, nên sự thành thực này là chỗ tất yếu, do vậy có thể tu hiện tiền. Lại nữa, đối tượng được duyên của định sắc, định Vô sắc là cảnh nào?

Kệ nói: Hữu ái tự có cảnh.

Giải thích: Nếu định tương ứng với vị ăn, gọi là hữu ái, duyên nơi hữu của địa mình khởi. Nói hữu là hiển bày sự giữ lấy cảnh hữu lưu không thể duyên nơi địa dưới, vì đã lìa dục. Không thể duyên nơi địa trên. Do sự tham ái của các địa đều bị ngăn cách, nên không thể duyên nơi vô lưu làm cảnh để trở thành thanh tịnh.

Kệ nói: Định thiện có cảnh khắp.

Giải thích: Nếu định lấy thiện làm tánh, nghĩa là thanh tịnh và vô lưu, thì định ấy dùng tất cả pháp làm cảnh. Vật có thật của cảnh kia, là hữu vi, vô vi.

Kệ nói:

Sắc, Vô sắc gốc thiện

Không phải cảnh dưới của hữu lưu.

Giải thích: Định cõi Sắc và định cõi Vô sắc căn bản là thanh tịnh. Pháp hữu lưu của địa dưới không phải là cảnh giới của định kia, vì duyên nơi địa mình và địa trên làm cảnh giới. Nếu lấy vô lưu làm cảnh giới, thì tất cả chủng loại của loại trí đều là cảnh giới của định kia, chứ

không phải là chủng loại của pháp trí cũng chẳng phải là diệt của địa dưới. Nếu định của phần gần và đạo vô gián thì dùng địa dưới làm cảnh giới.

Trong ba thứ định sắc, định Vô sắc này, định nào có công năng diệt trừ hoặc?

Kệ nói: Do vô lưu diệt hoặc.

Giải thích: Diệt hoặc không do định thanh tịnh, hướng hồ là do định nhiễm ô. Do đấy, hoặc của cõi dưới không thể diệt. Vì ở cõi dưới chưa lìa dục, nên tự mình không thể tự đối trị, do đó, không thể diệt hoặc của địa mình. Vì hết sức hơn hẳn nên không thể diệt hoặc của địa trên. Chỉ do định vô lưu có thể diệt. Lại nữa, kệ nói: Và phần của các định.

Giải thích: Do định thanh tịnh nơi phần gần của cõi Sắc, Vô sắc, các hoặc cũng được diệt. Đây là sự đối trị của địa dưới.

Phần này có bao nhiêu thứ?

Kệ nói: Phần gần của định kia, tám thứ.

Giải thích: Tùy thuộc nơi mỗi một định, phần gần cũng thế. Dựa vào phần gần, là trực nhập nơi căn bản.

Có phải phần gần như căn bản, có ba thứ không? Thọ của phần gần như thọ của căn bản chẳng?

Không phải.

Kệ nói: Thanh tịnh, không phải là khổ, vui.

Giải thích: Định của phần gần kia chỉ là một loại thanh tịnh, tương ứng với xả thọ. Do chỗ dẫn dắt của công dụng, nên chưa lìa nổi chán sợ của địa dưới, chỉ lấy sự lìa dục làm quả. Thế nên, chỉ là xả thọ, không có tham ái.

Kệ nói: Thánh đầu tiên.

Giải thích: Định của phần gần trước, gọi là phi chí định. Định này có hai thứ: Hữu thanh tịnh và hữu vô lưu. Nếu do tâm của phần gần trói buộc sinh, tức có nhiễm ô. Nếu nhập quán, tất nhiên sẽ không có nhiễm ô, vì trước kia đã ngăn chặn.

Kệ nói: Thuyết khác, ba thứ.

Giải thích: Có sự khác nói: Không phải chí định của phần gần, cũng tương ứng với vị ăn. Trong đó có thuyết gọi là định của phần gần, có thuyết gọi là định trung gian. Hai tên gọi này là một nghĩa hay là có nghĩa riêng?

Có nghĩa riêng. Vì sao? Phần gần tức là đạo lìa dục.

Kệ nói: Định trung gian không có giác.

Giải thích: Định này không tương ứng với giác, nên gọi là định trung gian. Vì khác với hai định. Vì do vượt trội hơn sơ định nên ở trong sơ định không lập. Trong định thứ hai cũng không phải là đối tượng được lập, vì không có loại trội hơn.

Lại nữa, định trung gian này có bao nhiêu thứ? Có bao nhiêu thứ thọ?

Kệ nói: Ba thứ không khổ, lạc.

Giải thích: Định này hoặc tương ứng với vị ăn, hoặc thanh tịnh, hoặc vô lưu và không có khổ, không có lạc thọ. Vì tương ứng với xả căn, nên không tương ứng với hỷ căn. Vì được dẫn phát do công dụng lớn, nên gọi là hành chậm của khổ nhanh.

Quả của định trung gian này sai biệt như thế nào?

Kệ nói: Đại Phạm Vương là quả.

Giải thích: Nếu người tu tập định trung gian của phẩm trên thì thọ nhận báo của Đại Phạm Vương. Lại nữa, thấu tóm tất cả các định. Trong kinh nói có ba định:

1. Tam-ma-đề có giác, có quán.
2. Tam-ma-đề không giác, có quán.
3. Tam-ma-đề không giác, không quán.

Định trung gian ở đây, tức là Tam-ma-đề không có giác, có quán. Do phần thứ hai của kinh này nói về đối tượng được chứng, nên từ định này chỉ ngăn chặn giác.

Kệ nói: Từ đây xuống có giác, quán.

Giải thích: Từ đây hướng xuống dưới chỗ có các định, đều gọi là có giác, có quán. Nghĩa là sơ định và chỗ dựa vào các định khác của sơ định.

Kệ nói: Trên đây định không hai.

Giải thích: Ở trong phần kia không có hai thứ giác và quán. Nghĩa là vượt qua định trung gian, hướng lên các định khác ở trên không có hai thứ giác, quán. Từ phần gần của định thứ hai, cho đến cõi Hữu đẳng đều không có hai thứ giác và quán này. Lại nữa, trong kinh nói: Tam-ma-đề có ba thứ, nghĩa là định không, định vô nguyện, định vô tướng. Ở đây, kệ nói: Tương tĩnh, không tương ứng.

Giải thích: Định tương ứng với hành tướng của diệt đế, gọi là định vô tướng. Định này có bốn hành tướng.

Vì sao? Vì Niết-bàn là do lìa mười tướng nên gọi là vô tướng.

Định này dùng Niết-bàn làm cảnh, nên gọi là vô tướng. Mười tướng nghĩa là năm trần, nam, nữ, và ba tướng hữu vi.

Kệ nói: Định không, không vô ngã.

Giải thích: Định tương ứng với hai hành tướng không, vô ngã, gọi là định không. Định này có hai hành tướng.

Kệ nói:

*Định còn lại vô nguyện
Tương ứng với tướng đế.*

Giải thích: Định còn lại tương ứng với hành tướng của các đế nên gọi là định vô nguyện. Định này có mười hành tướng. Vì sao? Vì đối với vô thường, khổ và nhân của các thứ ấy, sinh tướng nhằm chán chống lại đối với đạo. Do nghĩa dụ của chiếc bè, nhất định nên rời bỏ. Người tu hành quán đối với vô thường, khổ kia, nảy sinh ý chống lại, vượt qua, nên người ấy không thể mong muốn dùng vô thường, khổ kia làm cảnh. Vì thế gọi là vô nguyện. Ở trong không, vô ngã không có nghĩa nhằm chán chống lại do tương tự với Niết-bàn. Ba định này có hai.

Kệ nói: Ba định kia thanh tịnh không nhớ.

Giải thích: Ba định này dùng thanh tịnh và vô lưu làm chủng loại, thuộc về thế, xuất thế. Nếu là định thế gian thì dựa vào mười một địa mà thành. Nếu là định xuất thế gian thì tùy thuận nơi địa của đạo vô lưu.

Kệ nói: Ba môn giải thoát tịnh.

Giải thích: Ba định này nếu là vô lưu gọi là ba môn giải thoát. Tức môn giải thoát không, môn giải thoát vô nguyện, môn giải thoát vô tướng, pháp kia là môn giải thoát. Do nghĩa riêng nên đối với ba định kia lại gọi tên riêng.

Kệ nói:

*Không, không cùng gọi định
Lại có ba định riêng.*

Giải thích: Có định không không, có định vô nguyện vô nguyện, có định vô tướng vô tướng. Dùng định không v.v... làm cảnh giới, nên các định kia gọi là định không không v.v...

Trong đó, kệ nói:

*Hai định duyên Vô học
Do tướng không, vô thường.*

Giải thích: Có hai định riêng duyên nơi các định của bậc Vô học làm cảnh. Định không không duyên nơi định không của bậc Vô học làm cảnh. Do hành tướng không nên định vô nguyện vô nguyện duyên nơi định vô nguyện của bậc Vô học làm cảnh. Điều này, do hành tướng vô thường, chứ không do hành tướng của khổ và nhân v.v... Pháp vô lưu

không lấy vô thường, khổ kia làm tướng. Không do hành tướng của đạo đế, vì vô thường, khổ kia là chỗ cần nhằm chán, chống lại.

Kệ nói:

*Định vô tướng, vô tướng,
Tướng tĩnh phi trạch diệt.*

Giải thích: Định vô tướng vô tướng duyên nơi định vô tướng của bậc Vô học dùng phi trạch diệt làm cảnh, điều này là do hành tướng tĩnh lặng chứ chẳng phải do hành tướng diệt, lìa diệt. Vì sao? Vì đồng với vô thường diệt, vì vô tánh là vô ký, và vì không phải xuất ly, vĩnh viễn, nên ba định này hoàn toàn riêng biệt.

Kệ nói: Hữu lưu.

Giải thích: Vì do chối bỏ Thánh đạo nên pháp đó là hữu lưu. Nếu vô lưu thì không như thế.

Định này do đạo nào đạt được.

Kệ nói: Người.

Giải thích: Định này được thành tựu trong thế giới con người chứ không phải thành thực ở cõi trời.

Ở trong sự nối tiếp của chốn nào sinh?

Kệ nói: Không hủy hoại.

Giải thích: Chỉ hàng A-la-hán không hủy hoại tướng là có thể đạt được định này. Do sự việc được rốt ráo, nên không phải là hàng A-la-hán khác.

Định này dựa vào bao nhiêu địa để sinh?

Kệ nói: Chỗ lìa của bảy phần gần.

Giải thích: Trừ định của bảy phần gần, ở mười một địa, nghĩa là định nơi cõi Dục, chứ không phải định chí, định trung gian, bốn định sắc, bốn định Vô sắc. Lại có kinh nói: Có bốn Tam-ma-đề nên tu tập.

Kinh nói: Có Tam-ma-đề nên tu hoặc tu thực hành, hoặc tập thành đạt được trụ yên vui nơi đời hiện tại. (nói rộng như kinh)

Trong đây, kệ nói:

*Có tu riêng bốn định
Tịnh đầu là hiện lạc.*

Giải thích: Nếu sơ định là loại tánh thiện, thì hoặc thanh tịnh, hoặc vô lưu. Tam-ma-đề này nhất định có thể đạt được trụ yên vui nơi đời hiện tại.

Sơ định đã như thế, nên biết các định khác cũng vậy, bất nhất định được trụ yên vui nơi vị lai. Hoặc thoái chuyển, hoặc sinh nơi địa trên, hoặc vào Niết-bàn, ở trong đấy, trụ yên vui nơi vị lai, hoặc không

thành tựu.

Kệ nói: Là nhãn thông của tri kiến.

Giải thích: Tam-ma-đề thứ hai cần tu: Vì tu tập Tam-ma-đề nên đạt được tư kiến. Nghĩa là tu tập về tuệ của thiên nhãn thông.

Kệ nói: Là hạnh của tuệ riêng sinh.

Giải thích: Tam-ma-đề thứ ba cần tu: Vì tu Tam-ma-đề nên đạt được tuệ riêng và tất cả đức thù thắng đều từ gia hạnh sinh. Nghĩa là các đức vô lưu của ba cõi. Nếu định có thể đạt được đức này, thì nói là tu tập định ấy, là tuệ sai biệt do tu Tam-ma-đề mà có.

Kệ nói:

Định sau dụ Kim cang

Thường diệt tu hữu lưu.

Giải thích: Ở định thứ tư, có Tam-ma-đề, gọi là dụ như Kim cang, nên tu tập. Định này có khả năng diệt hết tất cả các lưu. Người kia nói Phật, Thế Tôn thuyết giảng về bốn Tam-ma-đề cần tu là dựa vào chỗ tự tu hành của Phật mà nói. Về nghĩa này làm sao có thể biết? Do dựa vào định thứ tư, căn cứ nơi thời gian để phân biệt. Đã nói về các Tam-ma-đề xong. Tất cả đức dựa nơi Tam-ma-đề mà thành, gọi là thời điểm đã đến. Thế nên nay trình bày rõ.

Kệ nói: Định vô lượng có bốn.

Giải thích: Bốn định vô lượng, nghĩa là vô lượng từ, bi, hỷ, xả. Vì dùng vô lượng chúng sinh làm cảnh giới, nên cảm nhận quả báo vô lượng.

Thế nào là lập bốn ?

Kệ nói: Do đối trị giận v.v...

Giải thích: Nhiều hành vi giận gây sát hại, giận gây bức não, giận của ganh ghét, giận khiến yêu khởi ghét.

Vì diệt trừ các hành này của chúng sinh theo thứ lớp nên tu bốn định vô lượng này.

Quán bất tịnh và định về xả vô lượng, nếu đồng thời đối trị ái dục của cõi Dục, thì có khác biệt gì?

Sư Tỳ-bà-sa nói: Đối trị sắc dục là quán bất tịnh. Đối trị dâm dục là quán về xả vô lượng. Nếu chấp nhận như thế thì tương ứng với lý. Đối trị về dâm dục là quán bất tịnh, có khả năng diệt trừ dục về hình sắc, dung mạo, dáng dấp, tiếp xúc. Đối trị dục nơi mẹ, cha, con cái người thân v.v... là xả.

Loại tánh của bốn định này thế nào?

Kệ nói: Từ không giận cùng Bi.

Giải thích: Từ lấy thiện căn không giận làm tánh. Bi cũng như thế.

Kệ nói: Định hỷ tức tâm ưa thích.

Giải thích: Đối với việc vui thích, của người khác, tâm tùy thuận theo đấy là hỷ.

Kệ nói: Xả, không tham.

Giải thích: Xả dùng thiện căn vô tham làm tánh.

Nếu vậy làm sao đối trị sân? Do sân là chỗ dẫn dắt của tham ái? Nếu vậy thì định này nên dùng hai thiện căn làm tánh chăng?

Nghĩa này hợp lý.

Định vô lượng của từ v.v... này, hành tướng thế nào?

Kệ nói:

Hành tướng có vui, khổ

Được hỷ cùng chúng sinh.

Giải thích: Nếu chúng sinh yên vui, là cảnh giới của định từ. Đối với cảnh giới đó, khởi tư duy về hành tướng, nghĩa là chúng sinh yên vui. Do đấy nên đã đạt được pháp quán về từ vô lượng. Nếu chúng sinh có khổ, là cảnh giới của định bi. Đối với cảnh giới đó, khởi tư duy về hành tướng, nghĩa là chúng sinh có khổ. Do đấy nên có thể tu pháp quán về bi vô lượng.

Nếu chúng sinh được vui mừng là cảnh giới của định hỷ. Đối với cảnh giới ấy, khởi tư duy về hành tướng, nghĩa là chúng sinh được hỷ, do đấy, có thể tu quán về hỷ vô lượng.

Nếu không phân biệt, chỉ là chúng sinh của chúng sinh là cảnh giới cả định xả. Đối với cảnh giới đó, khởi tư duy về hành tướng, nghĩa là chúng sinh của chúng sinh. Do đấy nên có thể tu pháp quán về xả vô lượng.

Do tâm ở đây, nên quán như người kia không có vui, nhưng đối với họ cho là vui nên quán về vui. Vì sao quán này không thành điên đảo?

Do nguyện đạt được ý, nên không phải là điên đảo. Lại, do ý không có điên đảo. Lại, vì do định nơi tướng lạc của nguyện ấy.

Lại nữa, nếu điên đảo như thế thì có lỗi lầm gì?

Nếu ông nói, chẳng phải tánh thiện là lỗi lầm, thì nghĩa này không hợp lý. Vì pháp kia dùng căn làm tánh, lại có thể đối trị với pháp ác như sân v.v...

Đã nói về hành tướng của bốn vô lượng xong. Nếu hành giả duyên nơi chúng sinh làm cảnh thì duyên nơi chúng sinh nào làm cảnh?

Kệ nói: Cảnh của chúng sinh là cõi Dục.

Giải thích: Chúng sinh của cõi Dục là cảnh giới của đối tượng được duyên của hành giả. Chủ thể đối trị duyên nơi sự giận dữ v.v... của chúng sinh kia làm cảnh.

Nếu vậy, chỗ đã nói trong kinh: Căn cứ nơi một phương, khởi tâm từ v.v..., về nghĩa này thế nào?

Lời nói ấy do biểu thị rõ về vật chứa đựng. Ở trong vật chứa đựng cũng là đối tượng được hiển bày.

Bốn vô lượng này dựa vào bao nhiêu địa để sinh?

Kệ nói: Hủy nơi hai định.

Giải thích: Ở hai định trước, tu quán về hủy vô lượng, dùng tâm ưa thích làm tánh.

Kệ nói: Sáu địa khác.

Giải thích: Quán về ba vô lượng còn lại, tu ở trong sáu địa, tức chẳng phải là chí định, định trung gian và bốn định.

Kệ nói: Nói năm địa.

Giải thích: Có sư khác nói: Trừ phi chế định chỉ tu ở năm địa.

Lại Có sư khác nói: Ở mười địa. Nghĩa là cõi Dục và bốn phần gần. Do thấu tóm phần căn bản của gia hạnh bất định, là chỗ nêu ở trước: Pháp từ có thể đối trị sự giận dữ v.v...

Có phải do hoặc kia được diệt chăng?

Kệ nói: Do hoặc kia không diệt.

Giải thích: Định căn bản là địa, nhờ nơi tư duy nguyện làm thể, duyên nơi chúng sinh làm cảnh. Do tu gia hạnh của địa kia, nên có thể chế ngự sự giận dữ v.v... nên nói từ vô lượng là pháp đối trị giận dữ v.v...

Vì đã diệt trừ khả năng khiến cho xa cách nên quán về từ v.v..., dùng cõi Dục và phi chế định làm địa. Cũng có khi dùng định căn bản làm địa. Do trước đã chế phục các hoặc xong, sau do diệt, đạo trừ diệt các hoặc. Tiếp theo, ở trong quả vị lìa dục, do đó đạt được định vô lượng căn bản. Nếu khi được sức mạnh của định duyên thì không phải còn bị sức mạnh kia có thể bức bách.

Người mới tu học làm sao tu quán về từ vô lượng? Như cho thân mình đã được an lạc thù thắng, hoặc thấy, nghe khác được an lạc thù thắng. Nghĩa là Phật, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn, đối với chúng sinh, khởi tưởng an lạc, nguyện an lạc thù thắng, đạt đến tột cùng như thế. Tức là nguyện cho các chúng sinh đều được an lạc như đây. Nếu không thể cùng phát tâm này, vì do hoặc rất mạnh, nên trước tiên, đối với

thân thuộc, chia làm ba phẩm. Phẩm trên hết là người thân, khởi tưởng nguyện đạt được an lạc thù thắng. Trường hợp này, nếu đã thành, tiếp theo đối với người thân ở hạng giữa và hạng dưới. Hành quán cũng thế. Nơi ba phẩm, tức được quán về từ bình đẳng xong. Tiếp theo, trong đó hành quán nơi mọi người, nên biết đều như trước đã nói. Tiếp nữa, đối với người oán, lại chia làm ba phẩm. Đối với oán thấp nhất, nguyện cho họ được an vui thù thắng. Tiếp theo, đối với oán bậc trung và oán bậc nhất cũng thế. Đối với oán bậc nhất, nguyện họ được tưởng an lạc thù thắng. Nếu lại khởi tâm không thoái chuyển thì như đối với người thân của phẩm trên hết không khác. Theo thứ lớp ở trong nhà, thôn xóm, phương cõi khởi tưởng nguyện được an lạc thù thắng. Cho đến duyên nơi một phương và khắp tất cả thế giới, khởi nguyện tưởng an lạc thù thắng nhờ vào tâm từ vô lượng phổ biến, rốt ráo. Nếu người nào đối với tất cả chúng sinh, thì người ấy chắc chắn sẽ nhanh chóng thành tựu được quán từ. Vì sao? Vì đối với người đoạn trừ thiện căn, nếu nhận lấy đức kia cũng có thể đạt được. Đối với Tê- giác dụ cho hàng Độc giác, nếu nhận lấy lỗi lầm kia cũng có thể đạt được do có thể làm sáng tỏ phước, từ xưa, chứ chẳng phải là quả phước. Đối với bi và hỷ, hạnh tu quán cũng vậy. Quán chúng sinh kia không còn nhiều tai họa đủ loại! Nguyện cho chúng sinh kia giải thoát khỏi mọi thống khổ. Nguyện cho chúng sinh kia luôn được hoan hỷ. Nếu người tạo ra tưởng nguyện như vậy, thì có thể nhập quán của định bi, hỷ. Quán xả thì từ cảnh giới giữa mà thành, chỉ dùng chúng sinh của chúng sinh làm hành tướng.

Bốn định vô lượng, là cõi nào có thể tu tập?

Kệ nói: Nơi cõi người sinh.

Giải thích: Nếu tu định vô lượng kia, tất sẽ ở nơi cõi người, không phải ở nơi cõi khác.

Nếu người nào tương ứng với một định vô lượng thì tất sẽ tương ứng với tất cả phải không?

Không nhất định tương ứng với tất cả.

Vậy là thế nào?

Kệ nói: Tương ứng ba định.

Giải thích: Nếu người sinh khởi định thứ ba, thứ tư, sẽ không tương ứng với hỷ. Nếu người nào được định vô lượng, sẽ luôn tương ứng với ba định.

Kệ nói: Giải thoát có tám thứ.

Giải thích: Bên trong tưởng có sắc, bên ngoài quán về sắc. Quán về sắc là giải thoát thứ nhất. Bên trong tưởng Vô sắc, bên ngoài quán

về sắc là giải thoát thứ hai. Giải thoát tịnh do thân chứng xong, an trụ ở trong sự tu tập, là giải thoát thứ ba. Định Vô sắc là bốn giải thoát, cho đến định diệt thọ tưởng là giải thoát thứ tám.

Kệ nói: Hai trước, quán bất tịnh.

Giải thích: Hai giải thoát trước, lấy quán bất định làm thể tánh, dùng tưởng về đen, cháy sém v.v... làm hành tướng. Thế nên, đối với hai giải thoát này, nên biết như nghĩa hành quán trong quán bất tịnh.

Hai trước ấy, kệ nói: Hai định.

Giải thích: Hai giải thoát này ở trong hai định trước, là đối tượng được tu, chẳng phải ở địa khác, theo thứ lớp là cõi Dục và địa của sơ định.

Vì đối trị nơi cõi Dục, Sắc.

Kệ nói: Ba định sau, vô tham.

Giải thích: Giải thoát định thứ ba, chỉ tu ở định thứ tư. Định này cũng dùng thiện căn vô tham làm thể tánh, không phải dùng quán bất tịnh làm thể tánh, do tưởng tịnh làm hành tướng. Nếu thấu tóm loại bạn chung với tưởng tịnh kia, thì dùng năm ấm làm thể tánh.

Giải thoát nơi cõi Vô sắc.

Kệ nói: Địa của định Vô sắc tịnh.

Giải thích: Nếu thiện, nếu địa định thì quán về bốn định ở Vô sắc, là giải thoát của bốn Vô sắc, không phải là địa bất định. Ví như ở trong tử hữu. Sư của bộ khác thuyết minh: Định Vô sắc có khi chẳng phải là định, như chỗ tu tập của Tôn giả Mục-kiền-liên.

Lại nữa, đạo giải thoát nơi định phần gần của Vô sắc, đạo ấy cũng được mang tên là giải thoát. Nếu là thiện và địa định, thì không phải là đạo vô gián duyên nơi địa dưới làm cảnh.

Vì sao nghĩa chối bỏ tức là giải thoát?

Kệ nói: Định diệt tâm giải thoát.

Giải thích: Định diệt thọ tưởng tức là giải thoát thứ tám (định này đã nói ở trước), vì trái ngược với thọ, tưởng, nên gọi là giải thoát. Lại, do từ bỏ tất cả pháp hữu vi.

Lại Có sư khác nói: Do tám pháp này có khả năng giải thoát tất cả chướng ngại nơi định.

Như người tu định diệt tâm.

Kệ nói: Vi tế sau cùng, thành sau.

Giải thích: Hữu đẳng: Do tưởng rất vi tế nên định này lại tu tập khiến rất vi tế, mới có thể nhập nơi định diệt tâm.

Nếu người đã nhập định diệt tâm, làm sao có thể xuất?

Kệ nói:

*Tự địa tịnh đến Thánh
Tâm từ địa kia xuất quán.*

Giải thích: Hoặc do ở tâm thanh tịnh của định Hữu đánh, từ tâm đó được xuất. Hoặc do vô sở hữu nhập làm địa, với tâm thanh tịnh và tâm vô lưu nên từ tâm đó được xuất. Như vậy, dựa vào tâm hữu lưu nên nhập định vô tâm, xuất tâm chung do hữu lưu, vô lưu. Ở trong tám giải thoát này.

Kệ nói:

*Cõi Dục có thể thấy cảnh
Ba trước.*

Giải thích: Ở ba giải thoát trước, dùng chung sắc nhập của cõi Dục làm cảnh, hoặc đáng ghét, hoặc đáng yêu, như thứ lớp.

Kệ nói:

*Bốn Vô sắc
Là chủng loại của loại trí
Tự cảnh nơi đế của địa trên.*

Giải thích: Giải thoát của Vô sắc duyên nơi địa trên và mỗi khổ của địa mình, dùng tập khổ, diệt khổ làm cảnh đồng thời lấy tất cả đạo chủng loại của loại trí và hư không phi trạch diệt làm cảnh.

Vì sao ở định thứ ba không lập giải thoát?

Vì nơi địa của định thứ hai không có dục của cõi Sắc. Vả lại, tại ở sự an lạc trong mát có dao động.

Vì sao người tu quán thì giải thoát tịnh là an lạc?

Vì trước hết là quán bất tịnh, mọi sự tổn giảm, ốm yếu tự nối tiếp. Lại nữa, vì muốn quan sát tự mình có thể không thể thực hiện được. Nghĩa là đối với hai giải thoát trước là thành tựu không thành tựu.

Nếu vậy, biết hai giải thoát trước là thành. Nếu lại do tướng tịnh, quán cảnh tịnh, thì trước hết là hoặc không khởi. Vì sao? Vì người tu quán do hai thứ nhân, nên tu quán giải thoát v.v...

Vì khiến các hoặc lìa nhau rất xa.

Điều này là vì được tự tại ở trong định, vì hay dẫn lấy các đức không tranh chấp v.v... và khả năng dẫn lấy tuệ chung nơi bậc Thánh. Tuệ này có thể làm biến đổi các loại vật, thành tựu chỗ nguyện về việc kéo dài hay thu ngắn thọ mạng.

Vì sao ở giải thoát thứ ba, thứ tám nói về thân chứng, còn đối với các thứ khác không nói?

Vì lẽ hai loại này trội hơn. Lại do ở biên vực tận cùng của giới,

địa.

Kệ nói: Chế nhập có tám thứ.

Giải thích: Bên trong tướng có sắc, bên ngoài quán về lượng nhỏ của sắc, hoặc tốt, hoặc xấu và chế tu về sắc này ta thấy, ta biết. Tạo ra tướng như thế là chế nhập thứ nhất. Vô lượng cũng vậy. Bên trong tướng không sắc, bên ngoài quán về sắc. Hai thông này như hai thông trước, hợp thành bốn thông. Không có tướng sắc bên trong, quán sắc xanh, vàng, đỏ, trắng ta thấy, ta biết. Tạo ra tướng như vậy hợp với đây thành tám thứ.

Kệ nói: Hai, như giải thoát thứ nhất.

Giải thích: Như giải thoát thứ nhất, nên biết hai chế nhập cũng thế.

Kệ nói: Hai sau, như thứ hai.

Giải thích: Như giải thoát thứ hai, nên biết chế nhập thứ ba, thứ tư cũng vậy.

Kệ nói: Còn lại, như tịnh giải thoát.

Giải thích: Như tịnh giải thoát, nên biết, bốn chế nhập sau cũng thế.

Nếu vậy, chế nhập ở đây, ở kia đâu có khác?

Điều này là do tám chế nhập trước, chỉ chống bỏ, do tám chế nhập sau tu nơi cảnh giới khiến tùy thuộc ý an lạc của mình biểu hiện rõ, và làm cho hoặc không dấy khởi.

Kệ nói: Mười biến nhập.

Giải thích: Do có thể bao trùm khắp chỗ dấy khởi một loại, không có chút kẽ hở nào, nên gọi là vô biên.

Pháp nào là vô biên?

Tức là đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng. Tướng của sắc này bao trùm khắp. Không vô biên nhập, Thức vô biên nhập, hai thứ này cũng được che phủ khắp.

Trong đó, kệ nói: Vô tham có tám thứ.

Giải thích: Tám thứ trước, dùng vô tham làm tánh.

Kệ nói: Định sau.

Giải thích: Định thứ tư là địa của đối tượng được nương tựa nơi vô tham.

Kệ nói: Cảnh giới kia, dục.

Giải thích: Sắc nhập của cõi Dục là cảnh giới của định kia.

Có sư khác nói: Nhập xúc của không vô biên là cảnh giới. Lại Có sư khác nói: Bốn xúc trước là cảnh giới, bốn sắc sau là cảnh giới.

Kệ nói: Hai Vô sắc, tịnh.

Giải thích: Hai nhập vô biên sau cùng dùng định Vô sắc thanh tịnh làm tánh.

Kệ nói:

*Cảnh của bốn ấm
Là nơi địa mình.*

Giải thích: Bốn ấm của địa mình là cảnh giới của hai nhập vô biên sau. Tám chế nhập là nhập vào pháp môn nhập giải thoát. Mười nhập vô biên là nhập vào pháp môn chế nhập. Vì trước trội hơn sau, nên sự giải thoát v.v... này là chỗ nương tựa tương tục cho tất cả phàm phu, Thánh nhân, chỉ trừ giải thoát của định diệt tâm.

Kệ nói: Định diệt tâm đã nói.

Giải thích: Giải thoát của định diệt tâm, đã nói ở trước do sự khác biệt của tất cả nghĩa.

Kệ nói: Hành lìa dục khác, được.

Giải thích: Khác với định diệt tâm, các giải thoát còn lại hoặc do lìa dục đạt được, hoặc do gia hạnh đạt được và do trước đã đều khắp, do trước chưa đều khắp.

Kệ nói:

*Dựa Vô sắc, ba cõi
Cõi người khác, tu đạt.*

Giải thích: Giải thoát của Vô sắc, nhập vô biên của Vô sắc, pháp này dùng thân của ba cõi làm chỗ nương tựa. Đây là chỗ tu đạt được của người nơi ba cõi. Các giải thoát khác và các chế nhập, nhập vô biên nhập, đều dựa vào sự nối tiếp của cõi người mà được thành. Điều này là do diệu lực của chánh giáo duyên nơi đối tượng được sinh.

Thế nào là ở cõi Sắc, cõi Vô sắc tu đạt được định sắc, định Vô sắc? Có sự khác biệt nào? Do ba thứ nhân duyên, bốn thứ Trì-ha-na, Tam-ma-bạt đề Vô sắc nên có thể sinh và vì do nơi diệu lực của pháp tạo tác như thế.

Trong đây, kệ nói:

*Lực nghiệp nhân hai cõi
Sinh định sắc, Vô sắc.*

Giải thích: Ở hai cõi nghĩa là cõi sắc, cõi Vô sắc sinh định của cõi Vô sắc. Hoặc do lực của nhân nghĩa là tu gần và thường tu. Hoặc do lực của nghiệp, nghĩa là quả báo sau của phần nơi cõi trên dụ cho nơi quả báo của nghiệp đã tội bực. Vì sao? Vì nếu người ở cõi dưới không sinh dục thì ở cõi trên không thể sinh được.

Kệ nói:

*Định sắc ở cõi Sắc
Do hai pháp như thế được.*

Giải thích: Sinh định khác biệt ở trong cõi Sắc tất nhiên do hai lực. Nghĩa là lực của nhân, lực của nghiệp. Hoặc do lực của pháp nên mới như thế. Khi thế giới sắp hủy hoại, tất cả chúng sinh, vào thời điểm này đều đến nơi địa dưới, sinh bốn định sắc. Pháp thiện của lúc ấy đã đầy khởi dồi dào, thành tựu hết mực, là chánh pháp của Phật, Thế Tôn, nên trụ lại trong một thời gian đó. Phẩm loại của các pháp như thế v.v... rất sáng tỏ, có thể biết, có thể thấy.

Kệ nói:

*Chánh pháp Thế Tôn, hai
Chánh tu đặc là thể.*

Giải thích: Ở đây gọi là chánh giáo: Tức là các kinh A-hàm, nghĩa là Tu-đa-la, Tỳ-nại-da, Tỳ-đạt-ma.

Chánh tu đặc tức là A-địa-già-ma. Đây là đối tượng tu của người nơi ba thừa. Pháp trợ Bồ-đề và quả của ba thừa, như thế gọi là hai thứ chánh pháp.

Trong đây có bao nhiêu người?

Kệ nói:

*Trong đó:
Có chủ thể gìn giữ
Chủ thể thuyết minh
Chủ thể thực hành.*

Giải thích: Ở A-hàm có hai người:

1. Chủ thể chính thức gìn giữ.
2. Chủ thể chính thức thuyết minh.

Nơi A-địa-già-ma chỉ có một người, nghĩa là chủ thể chính thức tu đạt được. Tùy thuộc nơi ba người cùng truyền nhau để tu chánh pháp nên theo đấy mà được trụ. Vì sao? Vì có hai nhân duyên có thể làm cho chánh pháp được trụ lâu dài. Nghĩa là sự thuyết giảng đúng và sự thọ trì đúng.

Có sư khác nói: Sau Phật nhập Niết-bàn một ngàn năm, chánh pháp được trụ. Thuyết này căn cứ ở chỗ chính thức tu đạt được, không căn cứ nơi kinh A-hàm. Nếu căn cứ ở kinh A-hàm, sẽ có nhiều thời gian. Vì sao? Vì ở trong đời sau cùng, nếu có thể duy trì chánh pháp này, các người ấy có hai loại:

1. Theo chỗ nghe, có được niềm tin.

2. Theo chỗ lãnh hội đúng đắn có được niềm tin.

Chư thiên đều ủng hộ, người kia sẽ khiến cho A-hàm và chánh pháp do tu đạt được, nên ở nơi thế gian, không nhanh chóng mai một. Thế nên trong đó, như văn, như nghĩa, cần phải gấp rút tu tập theo chánh hạnh.

Trong luận này, A-tỳ-đạt-ma của Phật, Thế Tôn là chỗ giảng nói của tôi, hay là như trong kinh bộ đã hiển bày hay là như đã được nêu rõ trong Tỳ-bà-sa.

Kệ nói:

*Lý Tỳ-bà-sa, Kế Tân, thành
Tôi dựa nương nhiều để nói luận Cháp riêng
chánh pháp là lỗi tôi Xét chánh lý pháp chính là
Phật.*

Giải thích: Sư Tỳ-bà-sa, nước kế Tân, nói hai chứng cứ đã thành tựu A-tỳ-đạt-ma này. Nay, phần nhiều tôi đã tùy theo nghĩa ấy để thuyết minh. Trong đó, nếu có chấp riêng về bên nào thì đấy là lỗi lầm của tôi. Là sự chứng đắc có khả năng phán định đúng về chánh pháp thì chỉ có Phật, Thế Tôn là bậc xét lường tối thắng. Vì sao? Vì do Phật đã chứng đắc nhận biết về tất cả các pháp.

Nếu đệ tử của Phật, Thánh, xa rời A-hàm và đạo lý, để phán quyết về chánh pháp thì cũng không phải là sự lường xét thích đáng.

